

Số: /KH-UBND

Sơn La, ngày tháng 4 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình**  
**MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024**

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc Hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Căn cứ Quy chế làm việc số 02-QC/TU ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2020-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2024.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 148/TTr-SNN ngày 09/4/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024 như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả, hiệu lực các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc Hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 14/NQ-TU ngày 26/7/2021 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về xây dựng Huyện Quỳnh Nhai đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025; Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 06/06/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Triển khai thực hiện Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2024.

2. Huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực vào địa bàn nông thôn, đồng thời tăng cường sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các huyện, thành phố, các tổ chức chính trị-xã hội. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và mục tiêu tăng trưởng năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

3. Phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân theo hướng rõ nội dung nhiệm vụ tham mưu, đề xuất, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian, tiến độ hoàn thành.

## II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

Thực hiện theo mục 2, Điều 7 “Nội dung xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG hằng năm tại các cấp của địa phương”, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, gồm:

1. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023, khả năng hoàn thành, mục tiêu kế hoạch giai đoạn 5 năm và rà soát, bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh.

a) Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Sơn La năm 2023, khả năng hoàn thành: Báo cáo số 96/BC-SNN ngày 19/2/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023; Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

b) Mục tiêu Kế hoạch giai đoạn 5 năm: Thực hiện theo Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 14/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025.

c) Rà soát, bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 111/2024/NQ-QH: Các Sở, ban, ngành, các cơ quan thường trực các Chương trình MTQG, UBND các huyện, thành phố tiếp tục rà soát, trình bày báo hoặc đề xuất bổ sung một số chính sách, quy định, hướng dẫn có tính đặc thù của tỉnh để thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới theo Nghị quyết số 111/NQ/2024/QH15 ngày 18/1/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình MTQG và Thông báo Kết luận số 66/TB-KL ngày 20/2/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn la về Thông báo Kết luận của đồng chí Hoàng Quốc Khánh-Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2021-2025 tại cuộc họp Ban chỉ đạo ngày 29/02/2024.

*(Chi tiết có biểu số 01- Phân công nhiệm vụ cụ thể hóa một số cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh theo Nghị quyết số 111/2024/NQ15).*

2. Dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 theo từng nội dung, dự án thành phần

a) Mục tiêu chung: Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024. Ưu tiên cho huyện Quỳnh Nhai phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025; các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2024; các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nhưng phải rà soát, đánh giá lại theo quy định và các bản, tiểu khu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đối với cấp huyện/thành phố

(1) Tập trung ưu tiên nguồn lực hỗ trợ huyện Quỳnh Nhai đạt chuẩn huyện nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai

đoạn 2021-2025. Mục tiêu này thực theo Chương trình công tác của Ban chỉ đạo 396/QĐ-TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 16/2/2024 của UBND tỉnh.

(2) Tiếp tục duy trì thành phố Sơn La hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó duy trì 02 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, 03 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, củng cố Bộ tiêu chí Thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, phấn đấu 100% các Phường đạt chuẩn đô thị văn minh theo quy định.

- Đối với cấp xã: triển khai đồng bộ trên địa bàn 188 xã, trong đó:

(1) Phấn đấu đạt chuẩn tăng thêm ít nhất 08 xã nông thôn mới, đảm bảo lũy kế hết năm 2024 đạt chuẩn 73 xã nông thôn mới. Dự kiến 08 xã gồm: xã Chiềng Khay, xã Cà Nàng, xã Nậm É, xã Mường Sại huyện Quỳnh Nhai; xã Chiềng Mai huyện Mai Sơn, xã Mường Thái, xã Huy Tường huyện Phù Yên; xã Mường Hung huyện Sông Mã. Trong năm, huyện nào đăng ký bổ sung thêm xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ bổ sung vào kế hoạch.

(2) Phấn đấu đạt chuẩn tăng thêm ít nhất 02 xã nông thôn mới nâng cao, đảm bảo lũy kế hết năm 2024 đạt chuẩn 10 xã nông thôn mới nâng cao. Dự kiến 02 xã gồm xã Hát Lót huyện Mai Sơn, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La. Trong năm, huyện nào đăng ký bổ sung thêm xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ bổ sung vào kế hoạch.

(3) Tổ chức rà soát, đánh giá các Tiêu chí, chỉ tiêu tại 54 xã đã đạt chuẩn giai đoạn 2015-2021 theo quy trình, thủ tục được quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg; Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

(4) Phấn đấu tiêu chí bình quân đạt 13,12 tiêu chí/xã trở lên trên toàn tỉnh, không còn xã dưới 8 tiêu chí.

- Đối với cấp Bản, tiểu khu: Các huyện, thành phố căn cứ điều kiện thực tế, xây dựng Kế hoạch xây dựng cấp bản, tiểu khu đạt chuẩn theo quy định. Hết năm 2024, mỗi huyện, thành phố phấn đấu tăng thêm ít nhất từ 3-5 bản đạt chuẩn nông thôn mới, 1-3 bản nông thôn mới kiểu mẫu.

c) Nhiệm vụ theo từng nội dung thành phần của Chương trình: gồm 11 nội dung thành phần của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

*(Chi tiết có các biểu số 2,3,4,5 chi tiết về số lượng, khối lượng xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, các xã rà soát, đánh giá lại và biểu tiêu chí bình quân/xã và 11 nội dung thành phần kèm theo).*

3. Dự kiến cơ cấu, giải pháp huy động các nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới năm 2024: dự kiến tổng nguồn vốn trực tiếp năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đạt khoảng 440.711 triệu đồng (*bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi tỷ, bảy trăm mười một triệu đồng*), trong đó:

a) Về cơ cấu nguồn vốn

- Nguồn vốn ngân sách Nhà nước: 428.636 triệu đồng, trong đó:

(1) Ngân sách Trung ương: 157.190 triệu đồng, gồm nguồn vốn ĐTPT: 117.115 triệu đồng, nguồn vốn sự nghiệp: 40.075 triệu đồng.

(2) Ngân sách Địa phương đối ứng: 271.446 triệu đồng, bằng 173% đối ứng so với ngân sách Trung ương, gồm:

+ Ngân sách tỉnh: 140.756 triệu đồng; nguồn vốn ĐTPT: 121.756 triệu đồng (*trong đó có 82.763 triệu đồng Ngân sách tỉnh đối ứng bằng các công trình, dự án; 7.500 triệu đồng đối ứng thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”;* 31.493 triệu đồng từ nguồn thu sử dụng đất và Sổ số kiến thiết phân cấp cho các huyện, thành phố); nguồn vốn sự nghiệp: 19.000 triệu đồng.

+ Ngân sách các huyện/thành phố đối ứng: 130.690 triệu đồng (*nguồn vốn ĐTPT: 109.615 triệu đồng, nguồn vốn sự nghiệp 21.075 triệu đồng*).

- Nguồn vốn huy động hợp pháp khác: 12.996 triệu đồng.

*(Chi tiết có biểu số 06, 07-Cơ cấu các nguồn vốn năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và vốn trực tiếp từ ngân sách kèm theo).*

b) Giải pháp huy động các nguồn vốn

- Đối với Nguồn vốn ngân sách Nhà nước trực tiếp thực hiện Chương trình: đã được cấp có thẩm quyền giao tại các Quyết định, nghị quyết như:

(1) Đối với ngân sách Trung ương: Được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 về giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2024. Hội đồng nhân dân tỉnh giao tại Nghị quyết số 259/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2023; UBND tỉnh giao tại Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023.

(2) Đối với ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình theo tỷ lệ 1:1 so với ngân sách Trung ương: Hội đồng nhân dân tỉnh giao tại Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về phê chuẩn phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và mức bổ sung cân đối cấp huyện, thành phố năm 2024; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023, đạt tỷ lệ 173% so với ngân sách Trung ương.

(3) Các nguồn vốn được phép chuyển nguồn từ năm 2022, 2023 sang năm 2024 theo phân cấp thẩm quyền.

- Đối với nguồn vốn huy động hợp pháp khác như: huy động sự đóng góp tiền của, vật chất, ngày công... của cộng đồng Doanh nghiệp, HTX, người dân, tổ chức, cá nhân: thực hiện theo cơ chế, chính sách với tỷ lệ đóng góp cho từng nội dung công việc được quy định tại Nghị quyết số 44/2022/NQ-HĐND ngày 08/11/2022, Nghị quyết số 74/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 và Kế hoạch của các huyện, thành phố.

4. Dự kiến mức bố trí vốn thực hiện từng nội dung, hoạt động, dự án thành phần, danh mục đầu tư (theo quy định về phân cấp của địa phương).

*(Chi tiết có biểu số 08; 09- Dự kiến mức bố trí vốn thực hiện các nội dung thành phần, các hoạt động và danh mục các dự án kèm theo).*

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

1. Các cấp, các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng Kế hoạch, kịch bản chi tiết tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới ngay từ đầu năm, ưu tiên tiêu chí, chỉ tiêu nào để làm trước, tiêu chí nào cần huy động sức dân (như tiêu chí Văn hóa, tiêu chí Môi trường...) thì tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân thường xuyên và hiệu quả. Trong đó tập trung cao ưu tiên các nguồn lực xây dựng Huyện Quỳnh Nhai đạt chuẩn theo kế hoạch, phấn đấu hoàn thành khối lượng các tiêu chí, chỉ tiêu từ 85-90% vào cuối quý IV/2024, làm tiền đề phấn đấu công nhận, công bố Huyện Quỳnh Nhai trước Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030; tăng thêm ít nhất 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong năm 2024 và phấn đấu không xã nào bị thu hồi Quyết định đạt chuẩn đã được công nhận, công bố giai đoạn 2015-2021.

2. Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, học tập kinh nghiệm, chuyển giao khoa học kỹ thuật bằng nhiều hình thức, cách thức. Tiếp tục phát động và cổ vũ phong trào “*Son La chung sức xây dựng nông thôn mới*” gắn các phong trào thi đua, các cuộc vận động của các đoàn thể các cấp nhằm huy động tối đa các nguồn lực đầu tư vào địa bàn nông thôn.

3. Tiếp tục tổ chức tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, bám sát các Nghị quyết, Chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh như Nghị quyết số 06/NQ-TU, Nghị quyết số 08/NQ-TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

4. Tổ chức rà soát, đánh giá lại tổng thể thực trạng nông thôn của tỉnh vào cuối năm 2024 theo các Bộ tiêu chí các cấp đã ban hành, đánh giá khả năng hoàn thành và xây dựng các mục tiêu, kế hoạch phục vụ các Báo cáo sơ kết, tổng kết và các báo cáo, văn kiện đại hội Đảng bộ các cấp trong quý I, II năm 2025.

5. Rà soát, phân công nhiệm vụ cụ thể và gắn trách nhiệm người đứng đầu của Ban chỉ đạo các cấp, các tổ giúp việc đối với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

6. Huy động, lồng ghép các nguồn lực, nhất là nguồn ngân sách Nhà nước từ các Chương trình MTQG, các dự án để đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng, nhất là Giao thông nông thôn, Điện nông thôn, nhà ở dân cư...v.v.

7. Ưu tiên tổ chức triển khai 06 mô hình chuyên đề do Trung ương ban hành, trong đó củng cố, tăng cường phát triển các mô hình sản xuất Chuỗi giá trị theo quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; Nghị quyết số 111/2024/NQ15, Chương trình “*Mỗi xã một sản phẩm*”, Chương trình phát triển Du lịch nông

thôn... v.v. Riêng Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” OCOP, thực hiện theo Đề án được duyệt, hết năm 2024 phấn đấu lũy kế có 188 sản phẩm cấp 3 sao trở lên.

**8.** Tổ chức một số đoàn học tập kinh nghiệm, cách làm thực tế, nhất là về trình tự, thủ tục hồ sơ cho cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, cấp xã đã đạt chuẩn, các Chương trình Chuyên đề tại một số tỉnh, huyện có điều kiện tương đồng, nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cụ thể.

**9.** Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát: Các Sở, ban, ngành chủ động xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát, hướng dẫn đối với lĩnh vực được phân công, phụ trách. Đối với Chương trình kiểm tra, giám sát, thẩm định, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2024, các xã đạt dưới 5 tiêu chí; rà soát, đánh giá 54 xã đã đạt chuẩn, nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cụ thể.

**10.** Sơ kết, tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024, tiếp tục nhân rộng các mô hình, cách làm hay, phát huy và động viên, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân, nhất là các tầng lớp dân cư nông thôn, các tấm gương điển hình tiên tiến, có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Sơn La chung sức xây dựng nông thôn mới” gắn với xóa đói, giảm nghèo bền vững.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức Chính trị-xã hội thành viên: tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành của tỉnh tăng cường tổ chức triển khai có hiệu quả Phong trào thi đua “*Sơn La chung sức xây dựng nông thôn mới*” gắn với cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”; Cuộc vận động xây dựng “*Gia đình 5 không, 3 sạch*”. Tiếp tục phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức thành viên của Mặt trận và cộng đồng dân cư trong xây dựng Nông thôn mới.

**2.** Các Sở, ngành của tỉnh

a) Tiếp tục đề xuất, hoàn thiện một số cơ chế, chính sách, quy định, hướng dẫn đặc thù của tỉnh theo Nghị quyết số 111/2024/NQ-QH.

b) Tập trung các nguồn lực ưu tiên huyện Quỳnh Nhai đạt chuẩn nông thôn mới theo Chương trình công tác của Ban chỉ đạo số 396/QĐ-BCĐ và Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 16/2/2024 của UBND tỉnh.

c) Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá, thẩm định nhóm xã đã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thực hiện các nhiệm vụ, tiêu chí, chỉ tiêu do Sở, ngành phụ trách được phân công tại Quyết định số 1001/QĐ-UBND và Quyết định số 1002/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La.

**3.** Giao Sở Nông nghiệp và PTNT (*Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh*):

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai kế hoạch này đảm bảo hiệu quả, hiệu lực.

b) Chủ động tham mưu tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, giám sát của Thường trực UBND tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh và của cơ quan thường trực Chương trình.

c) Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện, báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh theo chức năng, thẩm quyền.

#### 4. Ủy ban nhân các huyện, thành phố

a) Căn cứ vào Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch, kịch bản chi tiết, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đạt và vượt mục tiêu kế hoạch đề ra.

b) Chủ động huy động, lồng ghép, tích hợp các nguồn lực, bố trí đủ ngân sách địa phương đối ứng và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình nông thôn mới năm 2024.

c) Đối với các huyện, thành phố có xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao trong kế hoạch năm 2024, yêu cầu định kỳ trước ngày 25 của tháng cuối quý báo cáo tiến độ triển khai thực hiện, những khó khăn, vướng mắc về Sở Nông nghiệp và PTNT (*cơ quan thường trực Chương trình*) tổng hợp, báo cáo Thường trực UBND tỉnh, Thường trực Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh chỉ đạo.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

#### **Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBNDTTQ tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Huyện ủy, thành ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, Phú 05b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Công**

**BIỂU SỐ 01****PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ MỘT SỐ SỞ, NGÀNH THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG TỈNH  
CỤ THỂ HÓA MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CỦA TỈNH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 111/2024/NQ15**

(Kèm theo Kế hoạch số \_\_\_\_\_ /KH-UBND ngày \_\_\_\_\_ /4/2024 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện		Thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp thực hiện	
1	2	3	4	5
1	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư vốn Ngân sách Nhà nước hằng năm quy định tại khoản 2, điều 4, Nghị quyết số 111/2024/QH15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Cơ quan chủ Chương trình MTQG; Các Sở, ngành thành viên Ban chỉ đạo tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Hằng năm
2	Giao Chủ dự án tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ trong nội dung của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại điểm a, khoản 4, điều 4, Nghị quyết số 111/2024/QH15.			Quý II/2024
3	Cơ chế thi điểm phân cấp cho cấp huyện quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2024-2025 quy định tại khoản a, b khoản 7, điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15.			Quý II/2024
4	Giao Kế hoạch đầu tư Công trung hạn, đầu tư vốn hằng năm đối với dự án đầu tư có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp quy định tại khoản 8, điều 4, Nghị quyết số 111/2024/QH15			Hằng năm

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện		Thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp thực hiện	
1	2	3	4	6
5	Phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương hằng năm quy định tại điểm c, khoản 1, Nghị quyết số 111/2024/QH15.	Sở Tài chính	Các Cơ quan chủ Chương trình MTQG; Các Sở, ngành thành viên Ban chỉ đạo tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Hằng năm
6	Điều chỉnh dự toán ngân sách Nhà nước hằng năm quy định tại khoản 2, điều 4, Nghị quyết số 111/2024/QH15			Hằng năm
7	Hướng dẫn thanh toán tiền hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho chủ dự án thực hiện việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, khoản 4, điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15			Quý II/2024
8	Hướng dẫn quản lý, sử dụng tài sản hình thành trong dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại khoản 5, điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15			Quý II/2024
9	Hướng dẫn việc quyết toán ngân sách Nhà nước hằng năm của cấp huyện thực hiện cơ chế thí điểm quy định tại điểm c, khoản 7, điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15			Quý II/2024
10	Hướng dẫn thực hiện Cơ chế ủy thác vốn của ngân sách địa phương qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội để hỗ trợ thực hiện một số hoạt động của các Chương trình MTQG quy định tại khoản 6, điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Sơn La	Các Cơ quan chủ Chương trình MTQG; Các Sở, ngành thành viên Ban chỉ đạo tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Quý II/2024

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện		Thời gian hoàn thành
		Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp thực hiện	
1	2	3	4	6
11	Trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án Phát triển sản xuất quy định tại khoản 3, điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Cơ quan chủ Chương trình MTQG; Các Sở, ngành thành viên Ban chỉ đạo tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Quý II/2024
12	Hướng dẫn rà soát, đánh giá lại các xã đã được Công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2015-2021 theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg.			Quý I/2024
13	Đề xuất sửa đổi, bổ sung các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ Tiêu chí các cấp theo Quyết định số 211/QĐ-TTg	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành thành viên Ban chỉ đạo tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Quý II/2024

**BIỂU SỐ 02****TỔNG HỢP KẾT QUẢ SỐ TIÊU CHÍ ĐÃ ĐẠT, SỐ TIÊU CHÍ CHƯA ĐẠT VÀ KHỐI LƯỢNG CÒN LẠI  
PHẢI THỰC HIỆN CỦA 8 XÃ PHẤN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN NĂM 2024***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2024 của UBND tỉnh)*

**- 08 xã phấn đầu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024**, gồm: xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn; xã Mường Thái, Huy Tường huyện Phù Yên; xã Mường Hưng huyện Sông Mã; xã Chiềng Khay, xã Cà Nàng, xã Nậm Ét, xã Mường Sại huyện Quỳnh Nhai.

STT	Tên huyện	Xã phấn đầu đạt chuẩn NTM năm 2024	Thuộc khu vực	Kết quả số tiêu chí đã đạt đến tháng 2/2024, cần duy trì, giữ vững	Số tiêu chí/Chỉ tiêu chưa đạt, tổ chức triển khai thực năm 2024		Khối lượng còn lại cần triển khai từng Chỉ tiêu đảm bảo đạt chuẩn năm 2024
					6	7	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Huyện Mai Sơn	Xã Chiềng Mai	III	13 tiêu chí/47 chỉ tiêu.	06 tiêu chí/10 chỉ tiêu, gồm:	Tiêu chí số 2-Giao thông: chưa đạt 02 chỉ tiêu: 2.1; 2.2; 2.3	Chỉ tiêu 2.1: Cần bê tông hóa hoặc nhựa hóa: 0,66 Km.
							Chỉ tiêu 2.2: Cần cứng hóa ít nhất 3,37 Km.
							Chỉ tiêu 2.3: Đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.
						Tiêu chí số 06-Cơ sở vật chất văn hóa: chưa đạt Chỉ tiêu 6.1.	Chỉ tiêu 6.1: Đầu tư Sân thể thao xã đảm bảo đạt chuẩn.
						Tiêu chí số 10-Thu nhập: Chưa đạt 01 chỉ tiêu.	Tiêu chí số 10: Phấn đầu đạt 45 triệu đồng/người/năm
Tiêu chí số 13-Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Chưa đạt chỉ tiêu 13.3; 13.5.	Chỉ tiêu 13.3: Đảm bảo có sản phẩm chủ lực của xã thực hiện truy xuất nguồn gốc và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.  Chỉ tiêu 13.5: Ban hành Quyết định thành lập và kế hoạch hoạt động của Tổ khuyến nông cộng đồng theo quy định.						

1	Huyện Mai Sơn	<b>Xã Chiềng Mai</b>	III	13 tiêu chí/47 chỉ tiêu.	06 tiêu chí/10 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 16</b> -Cơ sở vật chất văn hóa: chưa đạt	Đảm bảo đạt tỷ lệ Bản, tiêu khu đạt chuẩn Văn hóa $\geq 70\%$ theo quy định.
						<b>Tiêu chí số 17</b> -Môi trường và an toàn toàn thực phẩm: Chưa đạt 02 Chỉ tiêu: 17.4; 17.8.	Chỉ tiêu 17.4: Đảm bảo tỷ lệ Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 2m^2$ /người.
							Chỉ tiêu 17.8: Phần đầu ít nhất có 195 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch
2	Huyện Phù Yên	<b>Xã Mường Thải</b>	III	09 tiêu chí/42 chỉ tiêu.	10 tiêu chí/15 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 1</b> -Quy hoạch: Chưa đạt Chỉ tiêu số 1.2	Chỉ tiêu 1.2: Ban hành quy định quản lý Quy hoạch và tổ chức thực hiện theo quy định.
						<b>Tiêu chí số 2</b> -Giao thông: chưa đạt chỉ tiêu: 2.1; 2.2; 2.3.	Chỉ tiêu 2.1: Cản bê tông hóa hoặc nhựa hóa: 8.82 Km.
							Chỉ tiêu 2.2: Cản cứng hóa ít nhất 2.7 Km đường liên bản.
							Chỉ tiêu 2.3: Cản cứng hóa ít nhất 30Km đường nội bản.
						<b>Tiêu chí số 06</b> -Cơ sở vật chất văn hóa: chưa đạt Chỉ tiêu 6.2; 6.3	Chỉ tiêu 6.2: Đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.
	Chỉ tiêu 6.3: Đầu tư mới 01 Nhà văn hóa bản, nâng cấp 02 nhà Văn hóa bản.						
<b>Tiêu chí số 09</b> -Nhà ở dân cư: chưa đạt Chỉ tiêu 9.1.	Chỉ tiêu 9.1: Phần đầu nâng cấp ít nhất 180 nhà còn lại trên địa bàn xã trong năm 2024 đảm bảo đạt chuẩn.						
<b>Tiêu chí số 10</b> -Thu nhập: Chưa đạt 01 chỉ tiêu.	Tiêu chí số 10: Phần đầu đạt 45 triệu đồng/người/năm						

2	Huyện Phù Yên	<b>Xã Mường Thải</b>	III	09 tiêu chí/42 chỉ tiêu.	10 tiêu chí/15 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 11</b> -Nghèo đa chiều: Chưa đạt.	Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo <12% theo quy định.
						<b>Tiêu chí số 12</b> -Lao động có việc làm: chưa đạt chỉ tiêu 12.1	Chỉ tiêu 12.1: Cần phấn đấu ít nhất 716 lao động qua đào tạo (áp dụng cho cả nam và nữ).
						<b>Tiêu chí số 15</b> -Y tế: Chưa đạt chỉ tiêu 15.4	Chỉ tiêu 15.4: Phấn đấu có trên 50% tỷ lệ dân số có số khám bệnh điện tử.
						<b>Tiêu chí số 16</b> -Văn hóa: chưa đạt	Phấn đấu thêm 02 bản đạt chuẩn văn hóa năm 2024, đảm bảo 06 bản đạt chuẩn văn hóa.
						<b>Tiêu chí số 17</b> -Môi trường và an toàn toàn thực phẩm: Chưa đạt 03 Chỉ tiêu: 17.3; 17.8; 17.9.	Chỉ tiêu 17.3: Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước sinh hoạt tập trung tại các khu dân cư tập trung.
							Chỉ tiêu 17.8: Phấn đấu ít nhất có 328 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch
Chỉ tiêu 17.9: Phấn đấu có ít nhất 60% các cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và BVR.							

3	Huyện Phù Yên	Xã Huy Trường	III	09 tiêu chí/ 43 chỉ tiêu.	09 tiêu chí/ 14 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 1</b> -Quy hoạch: Chưa đạt Chỉ tiêu số 1.2.	Chỉ tiêu 1.2: Ban hành quy định quản lý Quy hoạch và tổ chức thực hiện theo quy định.
						<b>Tiêu chí số 2</b> -Giao thông: chưa đạt chỉ tiêu: 2.1; 2.3.	Chỉ tiêu 2.1: Cầu bê tông hóa hoặc nhựa hóa: 2,22 Km.
							Chỉ tiêu 2.3: Cầu cứng hóa ít nhất 0,31 km đường nội bản.
						<b>Tiêu chí số 06</b> -Cơ sở vật chất văn hóa: chưa đạt Chỉ tiêu 6.2; 6.3	Chỉ tiêu 6.2: Đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.
							Chỉ tiêu 6.3: Đầu tư mới 01 Nhà văn hóa bản, nâng cấp 02 nhà Văn hóa bản.
						<b>Tiêu chí số 08</b> - Thông tin truyền thông: Chưa đạt Chỉ tiêu 8.2.	Chỉ tiêu 8.2: Xã có 02/06 bản chưa được cung cấp dịch vụ điện thoại và dịch vụ Internet (Bản Suối Nhung, Suối Pai chưa có sóng điện thoại)
						<b>Tiêu chí số 10</b> -Thu nhập: Chưa đạt 01 chỉ tiêu.	Tiêu chí số 10: Phần đầu đạt 45 triệu đồng/người/năm
						<b>Tiêu chí số 12</b> -Lao động có việc làm: chưa đạt chỉ tiêu 12.1	Chỉ tiêu 12.1: Cần phần đầu ít nhất 716 lao động qua đào tạo (áp dụng cho cả nam và nữ).
<b>Tiêu chí số 13</b> – Tổ chức sản xuất: Chưa đạt 01 chỉ tiêu 13.3.	Chỉ tiêu 13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.						

3	Huyện Phù Yên	<b>Xã Huy Tường</b>	III	09 tiêu chí/ 43 chỉ tiêu.	09 tiêu chí/ 14 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 15</b> -Y tế: Chưa đạt chỉ tiêu số 15.4.	Chỉ tiêu 15.4: phát đầu đạt chuẩn tỷ lệ số hộ tham gia BHYT
						<b>Tiêu chí số 16</b> -Văn hóa	Phần đầu có 70% bản đạt chuẩn văn hóa.
						<b>Tiêu chí số 17</b> - Môi trường và an toàn thực phẩm: chưa đạt 03 tiêu chí: 17.3; 17.9; 17.11.	17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung
							17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 228/385 cơ sở chăn nuôi đảm bảo, đạt tỷ lệ 59,2%
17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: Số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn là 90/643 hộ, đạt 13%.							
4	Huyện Sông Mã	<b>Xã Mường Hung</b>	III	13 tiêu chí/19 chỉ tiêu.	6 tiêu chí/19 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 2</b> -Giao thông: chưa đạt chỉ tiêu: 2.1; 2.2; 2.3	Chỉ tiêu 2.1: Cản bê tông hóa hoặc nhựa hóa: 31,1 Km.
							Chỉ tiêu 2.2: Cản cứng hóa bằng vật liệu sẵn ít nhất 18,3 Km đường bản, liên bản.
							Chỉ tiêu 2.3: Cản cứng hóa bằng vật liệu sẵn ít nhất 2,1Km đường ngõ xóm.
						<b>Tiêu chí số 06</b> -Cơ sở vật chất văn hóa: chưa đạt Chỉ tiêu 6.1; 6.3	Chỉ tiêu 6.1: Cản đầu tư xây mới 01 nhà văn hóa xã và sân thể thao
							Chỉ tiêu 6.3: Đầu tư mới 06 Nhà văn hóa bản
						<b>Tiêu chí số 09</b> -Nhà ở dân cư: chưa đạt Chỉ tiêu 9.1.	Chỉ tiêu 9.1: Phần đầu nâng cấp 46 nhà còn lại trên địa bàn xã trong năm 2024 đảm bảo đạt chuẩn.
						<b>Tiêu chí số 10</b> -Thu nhập: Chưa đạt 01 chỉ tiêu.	Tiêu chí số 10: Phần đầu đạt 45 triệu đồng/người/năm
<b>Tiêu chí số 11</b> -Nghèo đa chiều: Chưa đạt.	Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo <13% theo quy định (tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo năm 2023 là 20,01%).						
<b>Tiêu chí số 16</b> -Văn hoá: chưa đạt 01 chỉ tiêu	Cần phần đầu thêm 05 bản đạt chuẩn văn hoá nâng tổng số (20/28 bản đạt chuẩn)						

5	Huyện Quỳnh Nhai	Xã Cà Nàng	III	11 tiêu chí/46 chỉ tiêu.	08 tiêu chí/11 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 1</b> -Quy hoạch: Chưa đạt Chỉ tiêu số 1.2	Chỉ tiêu 1.2: Ban hành quy định quản lý Quy hoạch và tổ chức thực hiện theo quy định.
						<b>Tiêu chí số 2</b> -Giao thông: chưa đạt chỉ tiêu: 2.1; 2.4.	Chỉ tiêu 2.1: Cần nâng cấp bê tông hóa hoặc nhựa hóa: 4.67Km.
						<b>Tiêu chí số 06</b> -Cơ sở vật chất văn hóa: chưa đạt Chỉ tiêu 6.1; 6.2	Chỉ tiêu 6.1: Xây dựng sân thể thao trung tâm xã (hạng mục san gạt, tường rào, kè sạt lở sân vận động trung tâm xã).
							Chỉ tiêu 6.2: Đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.
						<b>Tiêu chí số 08</b> -Thông tin và Truyền thông: chưa đạt Chỉ tiêu 8.3.	Chỉ tiêu 8.3: Xây dựng đài truyền thanh tại Trung tâm xã, hệ thống loa phát thanh tại 7 bản
						<b>Tiêu chí số 10</b> -Thu nhập: Chưa đạt 01 chỉ tiêu.	Tiêu chí số 10: Phần đầu đạt 45 triệu đồng/người/năm
						<b>Tiêu chí số 13</b> --Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Chưa đạt chỉ tiêu 13.3.	Chỉ tiêu 13.3: Thực hiện truy xuất nguồn gốc và chứng nhận sản phẩm VietGAP cho sản phẩm chủ lực của xã (sản phẩm cụ thể do xã đề xuất)
						<b>Tiêu chí số 15</b> -Y tế: Chưa đạt Chỉ tiêu số 15.4	Chỉ tiêu 15.4: Phần đầu có trên 50% tỷ lệ dân số có sổ khám bệnh điện tử.
<b>Tiêu chí số 17</b> - Môi trường và an toàn toàn thực phẩm: Chưa đạt 02 Chỉ tiêu: 17.3; 17.4.	Chỉ tiêu 17.3: Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước sinh hoạt tập trung tại các khu dân cư tập trung..						
	Chỉ tiêu 17.4: Đất cây xanh sửa dụng Công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 2m^2$ /người.						

6	Huyện Quỳnh Nhai	Xã Chiềng Khay	III	11 tiêu chí/41 chỉ tiêu.	08 tiêu chí/16 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 2</b> -Giao thông: chưa đạt chỉ tiêu: 2.1; 2.2;2.3; 2.4.	Chỉ tiêu 2.1: Cản Bê tông hóa hoặc nhựa hóa 3.9Km.
							Chỉ tiêu 2.2: Cản cứng hóa ít nhất: 2.19Km.
							Chỉ tiêu 2.4: Cản cứng hóa ít nhất 5.81Km.
							Chỉ tiêu 2.4: Cản cứng hóa ít nhất 4.20Km.
						<b>Tiêu chí số 06</b> -Cơ sở vật chất văn hóa: chưa đạt Chỉ tiêu 6.1; 6.2; 6.3.	Chỉ tiêu 6.1: Đầu tư 01 Nhà văn hóa + sân thể thao xã.
							Chỉ tiêu 6.2: Đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.
							Chỉ tiêu 6.3: Đầu tư xây dựng thêm 02 nhà văn hóa bản.
						<b>Tiêu chí số 08</b> -Thông tin và Truyền thông: chưa đạt Chỉ tiêu 8.3.	Chỉ tiêu 8.3: Xây dựng đài truyền thanh tại Trung tâm xã, hệ thống loa phát thanh đến các bản.
						<b>Tiêu chí số 10</b> -Thu nhập: Chưa đạt 01 chỉ tiêu.	Tiêu chí số 10: Phần đầu đạt 45 triệu đồng/người/năm
						<b>Tiêu chí số 12</b> - Lao động có việc làm: chưa đạt chỉ tiêu 12.2	Chỉ tiêu 12.2: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 20\%$ .
						<b>Tiêu chí số 15</b> -Y tế: chưa đạt chỉ tiêu: 15.2; 15.3; 15.4.	Chỉ tiêu 15.2: Phần đầu Công nhận xã đạt tiêu chí quốc gia về Y tế trong năm 2024.
							Chỉ tiêu 15.3: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 24\%$ .
15.4. Tỷ lệ dân số có số khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$							

6	Huyện Quỳnh Nhai	<b>Xã Chiềng Khay</b>	III	11 tiêu chí/41 chỉ tiêu.	08 tiêu chí/16 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 17-</b> Môi trường và an toàn toàn thực phẩm: Chưa đạt 02 Chỉ tiêu: 17.3; 17.4.	Chỉ tiêu 17.1: Đảm bảo tỷ lệ Hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: Xã thuộc khu vực III: $\geq 20\%$ ( Trong đó $\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)
						<b>Tiêu chí số 18-</b> Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Chưa đạt chỉ tiêu 18.4	Chỉ tiêu 17.3: Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước sinh hoạt tập trung tại các khu dân cư tập trung.
						Chỉ tiêu 18.4: Phần đầu xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	
7	Huyện Quỳnh Nhai	<b>Xã Mường Sại</b>	III	12 tiêu chí/42 chỉ tiêu.	07 tiêu chí/14 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 1-</b> Quy hoạch: Chưa đạt Chỉ tiêu: 1.1; 1.2.	Chỉ tiêu 1.1: Chưa có Quyết định phê duyệt Quy hoạch chung xã Nông thôn mới theo quy định.
						<b>Tiêu chí số 2-</b> Giao thông: chưa đạt chỉ tiêu: 2.1; 2.4.	Chỉ tiêu 1.2: Ban hành quy định quản lý Quy hoạch và tổ chức thực hiện theo quy định.
							Chỉ tiêu 2.1: Cản bê tông hóa hoặc nhựa hóa ít nhất 3.8Km.
							Chỉ tiêu 2.2: Cản cứng hóa ít nhất 0.82Km.
							Chỉ tiêu 2.3: Cản cứng hóa ít nhất 7.032Km
							Chỉ tiêu 2.4: Cản cứng hóa ít nhất 3.415Km các tuyến đường nội đồng.
						<b>Tiêu chí số 06-</b> Cơ sở vật chất văn hóa: chưa đạt Chỉ tiêu 6.1; 6.2 .	Chỉ tiêu 6.1: Đầu tư 01 Nhà văn hóa + sân thể thao xã đảm bảo đạt chuẩn.
	Chỉ tiêu 6.2: Đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.						
<b>Tiêu chí số 08-</b> Thông tin và Truyền thông: chưa đạt Chỉ tiêu 8.3.	Chỉ tiêu 8.3: Đầu tư hoặc sửa chữa hệ thống Loa phát thanh tại 3 bản.						

7	Huyện Quỳnh Nhai	<b>Xã Mường Sại</b>	III	12 tiêu chí/43 chỉ tiêu.	07 tiêu chí/15 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 10</b> -Thu nhập: Chưa đạt 01 chỉ tiêu.	Tiêu chí số 10: Phần đầu đạt 45 triệu đồng/người/năm
						<b>Tiêu chí số 13</b> --Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Chưa đạt chỉ tiêu 13.3.	Chỉ tiêu 13.3: Xây dựng chứng nhận VietGAP và mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm chủ lực (Dứa, xoài) của HTX trồng Dứa bản Còi, HTX trồng dứa bản Pha Đảo
						<b>Tiêu chí số 15</b> -Y tế: chưa đạt chỉ tiêu: 15.2; 15.3; 15.4.	Chỉ tiêu 15.2: Phần đầu Công nhận xã đạt tiêu chí quốc gia về Y tế trong năm 2024 (Bổ sung 3 phòng lưu trú bệnh nhân).
							Chỉ tiêu 15.3: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 24\%$ .
Chỉ tiêu 15.4: Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$							
8	Huyện Quỳnh Nhai	<b>Xã Nậm Ét</b>	III	11 tiêu chí/44 chỉ tiêu.	08 tiêu chí/13 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 18</b> -Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Chưa đạt chỉ tiêu 18.5	Chỉ tiêu 18.5: Có ít nhất 01 nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã (bao gồm cả chức danh sau đây: Bí thư đảng ủy xã, phó bí thư đảng ủy xã, Chủ tịch xã, phó chủ tịch xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó Chủ tịch hội đồng nhân dân) và có quy hoạch nữ lãnh đạo chủ chốt cấp xã, khi khuyết thực hiện ngay cán bộ nữ vào các vị trí này theo quy định.
							Chỉ tiêu 2.1: Cần Bê tông hóa hoặc nhựa hóa 4.2Km.
							Chỉ tiêu 2.2: Cần cứng hóa ít nhất: 2.66Km.
							Chỉ tiêu 2.4: Cần cứng hóa ít nhất 9.0Km.
Chỉ tiêu 2.4: Cần cứng hóa ít nhất 4.0Km.							

8	Huyện Quỳnh Nhai	Xã Nậm É	III	11 tiêu chí/44 tiêu chí.	08 tiêu chí/13 tiêu chí, gồm:	<p><b>Tiêu chí số 06</b>-Cơ sở vật chất văn hóa: chưa đạt Chỉ tiêu 6.1; 6.2; 6.3.</p>	<p>Chỉ tiêu 6.1: Đầu tư 01 sân thể thao xã, sửa chữa, nâng cấp Nhà Văn hóa xã</p>
						<p>Chỉ tiêu 6.2: Đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.</p>	<p>Chỉ tiêu 6.3: Sửa chữa, nâng cấp các nhà văn hóa bản.</p>
						<p><b>Tiêu chí số 08</b>-Thông tin và Truyền thông: chưa đạt Chỉ tiêu 8.3.</p>	<p>Chỉ tiêu 8.3: Sửa chữa, nâng cấp Trang thiết bị phát thanh FM; cụm loa thu truyền thanh đến các bản.</p>
						<p><b>Tiêu chí số 10</b>-Thu nhập: Chưa đạt 01 tiêu chí.</p>	<p>Tiêu chí số 10: Phần đầu đạt 45 triệu đồng/người/năm</p>
						<p><b>Tiêu chí số 13</b>--Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Chưa đạt chỉ tiêu 13.1; 13.3.</p>	<p>Chỉ tiêu 13.1. Tổ chức lại hoạt động sản xuất của HTX, Lập báo cáo tài chính hàng năm đầy đủ</p>
						<p>Chỉ tiêu 13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc và cấp chứng nhận VietGAP cho sản phẩm cam của HTX dịch vụ nông nghiệp Nậm É.</p>	<p>Chỉ tiêu 17.3: Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước sinh hoạt tập trung tại các khu dân cư tập trung.</p>
<p><b>Tiêu chí số 17</b>- Môi trường và an toàn toàn thực phẩm: Chưa đạt 02 Chỉ tiêu: 17.3;</p>	<p>Chỉ tiêu 17.3: Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước sinh hoạt tập trung tại các khu dân cư tập trung.</p>						
<p><b>Tiêu chí số 18</b>-Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Chưa đạt chỉ tiêu 18.5</p>	<p>Chỉ tiêu 18.5: Có ít nhất 01 nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã (bao gồm cả chức danh sau đây: Bí thư đảng ủy xã, phó bí thư đảng ủy xã, Chủ tịch xã, phó chủ tịch xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó Chủ tịch hội đồng nhân dân) và có quy hoạch nữ lãnh đạo chủ chốt cấp xã, khi khuyết thực hiện ngay cán bộ nữ vào các vị trí này theo quy định.</p>						

**BIỂU SỐ 03****TỔNG HỢP KẾT QUẢ SỐ TIÊU CHÍ ĐÃ ĐẠT, SỐ TIÊU CHÍ CHƯA ĐẠT VÀ KHỐI LƯỢNG CÒN LẠI PHẢI THỰC HIỆN CỦA 2 XÃ PHÂN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN NÂNG CAO NĂM 2024***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2024 của UBND tỉnh)***- 02 xã phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023, gồm: xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La; Xã Hát Lót, Huyện Mai Sơn.**

STT	Tên huyện	Xã phân đầu đạt chuẩn NTMNC năm 2024	Kết quả số tiêu chí đã đạt đến tháng 2/2024, cần duy trì, giữ vững	Số tiêu chí/Chỉ tiêu chưa đạt, tổ chức triển khai thực hiện năm 2024		Khối lượng còn lại cần triển khai từng Chỉ tiêu đảm bảo đạt chuẩn năm 2024
1	2	3	4	5	6	7
1	Thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen	8 tiêu chí/55 chỉ tiêu.	11 tiêu chí/20 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 2-Giao thông:</b> chưa đạt chỉ tiêu: 2.1; 2.2; 2.3.	Chỉ tiêu 2.1: Cần đầu tư, sửa chữa các biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc, hệ thống chiếu sáng trục đường xã.
						Chỉ tiêu 2.2: Cần cứng hóa ít nhất 450 m đường trục bản. Lắp đặt biển chỉ dẫn tại các vị trí nút giao thông và biển báo tại vị trí nguy hiểm.
						Chỉ tiêu 2.3: Cần cứng hóa ít nhất 11.2Km.
					<b>Tiêu chí số 05-Giáo dục:</b> Chưa đạt chỉ tiêu số 5.1; 5.6.	Chỉ tiêu số 5.1: Đầu tư xây dựng 01 trường Mầm Non
						Chỉ tiêu 5.6: Đầu tư mô hình giáo dục thể chất cho 03 nhà trường của xã
	<b>Tiêu chí số 7-Cơ sở Hạ tầng thương mại nông thôn:</b> chưa đạt	Sửa chữa nâng cấp chợ Trung tâm xã với các hạng mục gồm: Hệ thống thoát nước, khu vệ sinh, hệ thống điện, nhà để xe, khu giết mổ, tường bao.				
	<b>Tiêu chí số 10-Thu nhập:</b> chưa đạt	Phân đầu đạt từ 55 triệu đồng/người/năm				

1	Thành phố Sơn La	<b>Xã Chiềng Đen</b>	9 tiêu chí/59 chỉ tiêu.	9 tiêu chí/16 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 13</b> -Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: chưa đạt chỉ tiêu: 13.3;. 13.7; 13.8	Chi tiêu 13.3: Thực hiện mô hình Cà Phê, cây ăn quả và nhân rộng các mô hình điểm trên địa bàn vào năm 2024
						Chi tiêu 13.7: Xây dựng 01 điểm du lịch sinh thái trải nghiệm tại bản Tòng xét. Đẩy mạnh việc quảng bá hình ảnh du lịch trên mạng Internet
						Chi tiêu 2.3: Phối hợp xây dựng mô hình sản xuất cà phê sạch tại HTX Nông nghiệp Chiềng Xét trong năm 2024.
					<b>Tiêu chí số 14</b> -Y tế: Chưa đạt chỉ tiêu số 14.1.	Chi tiêu số 14.1: Tiếp tục vận động nhân dân tham gia, gia hạn BHYT đạt $\geq 95\%$ /tỷ lệ dân số.
					<b>Tiêu chí số 17</b> -Môi trường: chưa đạt chỉ tiêu: 17.3; 17.5; 17.10;	Chi tiêu 17.3: Tuyên truyền tổ chức thu gom và xử lý theo quy định $\geq 80\%$ .
						Chi tiêu 17.5: Tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân làm tốt công tác phân loại rác thải tại nguồn $\geq 50\%$ .
						Chi tiêu 17.10: Tuyên truyền nhân dân sử dụng hình thức dịch vụ hỏa táng $\geq 5\%$ .
					<b>Tiêu chí số 18</b> : Chất lượng môi trường sống: Chưa đạt chỉ tiêu 18.8.	Chi tiêu 18.8: Xây dựng Kế hoạch/ Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
					<b>Tiêu chí số 19</b> -An ninh và Quốc phòng: Chưa đạt Chỉ tiêu 19.2.	Chi tiêu 19.2: Đầu tư xây dựng mô hình Camera an ninh trên địa bàn

2	Huyện Mai Sơn	<b>Xã Hát Lót</b>	13 tiêu chí/67 chỉ tiêu.	6 tiêu chí/08 chỉ tiêu, gồm:	<b>Tiêu chí số 2-Giao thông:</b> chưa đạt chỉ tiêu: 2.1; 2.2;	Chi tiêu 2.1: Cần đầu tư, sửa chữa các biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc, hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh trực đường xã.
						Chi tiêu 2.2: Cần cứng hóa ít nhất 0.8Km đường liên bản. Lắp đặt biển chỉ dẫn tại các vị trí nút giao thông và biển báo tại vị trí nguy hiểm.
					<b>Tiêu chí số 06-Văn hóa:</b> Chưa đạt chỉ tiêu số 6.1.	Chi tiêu số 6.1: Đầu tư Nhà đa năng theo quy định, hội trường trung tâm văn hoá xã từ 300m <sup>2</sup> , khu thể thao từ 1.200m <sup>2</sup> trở lên, đủ 150 chỗ ngồi trở lên, các phòng chức năng 4 phòng trở lên, sân bóng đá tối thiểu 90x120m, công trình phụ trợ nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa.
					<b>Tiêu chí số 14-Y tế:</b> Chưa đạt chỉ tiêu số 14.1.	Chi tiêu số 14.1: Tiếp tục vận động nhân dân tham gia, gia hạn BHYT đạt $\geq 95\%$ /tỷ lệ dân số.
					<b>Tiêu chí số 16-Tiếp cận pháp luật:</b> Chưa đạt chỉ tiêu 16.1; 16.2	Chi tiêu 16.1: Cần công nhận mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả.
						Chi tiêu 16.2: Đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm được hòa giải thành công $\geq 90\%$ .
					<b>Tiêu chí số 18:</b> Chất lượng môi trường sống: Chưa đạt chỉ tiêu 18.6; 18.8.	Chi tiêu số 18.6: Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100%.
						Chi tiêu 18.8: Xây dựng Kế hoạch/ Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định

**BIỂU SỐ 04**

**DANH SÁCH 54 XÃ ĐÃ ĐẠT CHUẨN GIAI ĐOẠN 2015-2021 PHẢI TIẾN HÀNH  
RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ LẠI THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/QĐ-TTg  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2024 của UBND tỉnh)**

TT	Huyện	Kết quả thực hiện giai đoạn 2015-2021							
		Số lượng	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
	<b>Tổng số</b>	<b>54</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>8</b>	<b>10</b>	<b>15</b>	<b>8</b>	<b>5</b>
1	Huyện Mộc Châu	7		Xã Mường Sang	Xã Chiềng Sơn (BG)	Xã Phiêng Luông Xã Đông Sang	Xã Chiềng Hắc	Xã Tân Lập	Xã Hua Păng
2	Huyện Mai Sơn	8	Xã Chiềng Ban		Xã Mường Chanh	Xã Hát Lót Xã Mường Bon	Xã Cò Nòi Xã Chiềng Sung	Xã Nà Bó	Xã Mường Bằng
3	Huyện Phù Yên	9			Xã Gia Phù	Xã Huy Hạ	Xã Mường Cơi Xã Quang Huy Xã Huy Bắc	Xã Tường Phù Xã Tân Lang	Xã Huy Thượng Xã Huy Tân
4	Huyện Quỳnh Nhai	7	Xã Mường Giàng	Xã Mường Chiên Xã Chiềng Bằng		Xã Pá Ma Pha Khinh	Xã Chiềng Khoang	Xã Chiềng Ôn	Xã Mường Giôn

TT	Huyện	Kết quả thực hiện giai đoạn 2015-2021							
		Số lượng	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
5	Huyện Vân Hồ	3					Xã Chiềng Khoa	Xã Tô Múa Xã Vân Hồ	
6	Huyện Bắc Yên	2				Xã Mường Khoa	Xã Phiêng Ban		
7	Huyện Mường La	3			Xã Mường Bú	Xã Mường Chùm	Xã Mường Trai		
8	Huyện Thuận Châu	2			Xã Phông Lái		Xã Tông Lạnh		
9	Huyện Yên Châu	4		Xã Chiềng Păn		Xã Viêng Lán	Xã Chiềng Sàng	Xã Chiềng Khoi	
10	Huyện Sông Mã	2			Xã Chiềng Khương (BG)		Xã Chiềng Sơ		
11	Huyện Sốp Cộp	2			Xã Sốp Cộp		Xã Dôm Cang		
12	Thành phố Sơn La	5	Xã Chiềng Xôm	Xã Chiềng Cọ	Xã Chiềng Đen	Xã Hua La	Xã Chiềng Ngần		

**BIỂU SỐ 05**  
**BIỂU KẾ HOẠCH ĐẠT BÌNH QUÂN TIÊU CHÍ/XÃ, KẾ HOẠCH TỪNG TIÊU CHÍ,**  
**NHIỆM VỤ TỪNG NỘI DUNG THÀNH PHẦN**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2024 của UBND tỉnh)*

TT	Nội dung thành phần	Tiêu chí	ĐVT (Xã)	Thực hiện 31/12/2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
	<b>Các nội dung thành phần tính chung cho các xã nông thôn mới trên địa bàn huyện theo Bộ tiêu chí Xã nông thôn mới.</b>			<b>12,35</b>	<b>13,12</b>	<b>0,78</b>
1	Nội dung thành phần số 1	Tiêu chí số 1-Quy hoạch và quản lý quy hoạch		121	150	29
2	Nội dung thành phần số 2	Tiêu chí số 2-Giao thông		70	79	9
		Tiêu chí số 3-Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		179	185	6
		Tiêu chí số 4-Điện		173	179	6
		Tiêu chí số 5-Trường học		114	120	6
		Tiêu chí số 6-Cơ sở vật chất văn hoá		90	96	6
		Tiêu chí số 7-Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		171	177	6
		Tiêu chí số 8-Thông tin và Truyền thông		148	154	6

<b>TT</b>	<b>Nội dung thành phần</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>ĐVT (Xã)</b>	<b>Thực hiện 31/12/2023</b>	<b>Kế hoạch năm 2024</b>	<b>Tăng (+); giảm (-)</b>
3	Nội dung thành phần số 3	Tiêu chí số 10-Thu nhập		66	72	6
		Tiêu chí số 12-Lao động		133	140	7
		Tiêu chí số 13-Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn		117	125	8
4	Nội dung thành phần số 4	Tiêu chí số 9-Nhà ở dân cư		99	105	6
		Tiêu chí số 11-Hộ nghèo		74	80	6
5	Nội dung thành phần số 5	Tiêu chí số 14-Giáo dục và Đào tạo		164	170	6
		Tiêu chí số 15-Y tế		109	118	9
6	Nội dung thành phần số 6	Tiêu chí số 16-Văn hoá		109	115	6
	Nội dung thành phần số 7	Tiêu chí số 17-Môi trường và an toàn thực phẩm		72	78	6
7	Nội dung thành phần số 8, 9	Tiêu chí số 18-Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật		137	143	6
	Nội dung thành phần số 10	Tiêu chí số 19-Quốc phòng và an ninh		175	181	6
8	Nội dung thành phần số 11	Thực hiện Công tác Kiểm tra, giám sát, đào tạo, tập huấn		Thực hiện theo các Kế hoạch, chương trình Công tác của UBND tỉnh, các Ban chỉ đạo, tổ công tác.		

## BIỂU SỐ 06

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ VÀO ĐỊA BÀN NÔNG THÔN THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2024 của UBND tỉnh)*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>473.385</b>	<b>440.711</b>	Dự ước các nguồn vốn từ các Chương trình MTQG, các dự án, chương trình có Mục tiêu...giao tại Nghị quyết số 259/NQ-HĐND ngày 7/12/2023; Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 7/12/2023
<b>I</b>	<b>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>335.044</b>	<b>157.190</b>	
1	Đầu tư phát triển	271.958	117.115	
2	Sự nghiệp	63.085	40.075	
<b>II</b>	<b>NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>129.034</b>	<b>271.446</b>	
1	Ngân sách tỉnh	62.052	140.756	
-	<i>Đầu tư phát triển</i>	<i>42.502</i>	<i>121.756</i>	
+	<i>Vốn Đối ứng Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” OCOP</i>		<i>7.500</i>	
+	<i>Vốn phân cấp cho các huyện, thành phố từ nguồn thu sử dụng đất và Sổ số kiến thiết</i>		<i>31.493</i>	
+	<i>Vốn đối ứng từ các Công trình, dự án</i>		<i>82.763</i>	
-	<i>Sự nghiệp</i>	<i>19.550</i>	<i>19.000</i>	

<b>STT</b>	<b>Nội dung chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
2	Ngân sách Huyện	66.982	130.690	Theo Báo cáo của các huyện/thành phố
-	<i>Đầu tư phát triển</i>	<i>55.069</i>	<i>109.615</i>	
-	<i>Sự nghiệp</i>	<i>11.913</i>	<i>21.075</i>	
<b>II</b>	<b>HUY ĐỘNG TỪ NGƯỜI DÂN VÀ CỘNG ĐỒNG; VỐN DOANH NGHIỆP</b>	<b>9.307</b>	<b>12.996</b>	

**BIỂU SỐ 07****TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN TRỰC TIẾP CỦA CHƯƠNG TRÌNH DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024 THEO CÁC CẤP NGÂN SÁCH***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2024 của UBND tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

STT	Đơn vị	Tổng số	Tổng số	Ngân sách Trung ương		Tổng số	Ngân sách địa phương đối ứng			
							Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	
				ĐTPT	Sự nghiệp		ĐTPT	Sự nghiệp	ĐTPT	Sự nghiệp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>Tổng số</b>		<b><u>428.636</u></b>	<b>157.190</b>	<b>117.115</b>	<b>40.075</b>	<b>271.446</b>	<b>121.756</b>	<b>19.000</b>	<b>109.615</b>	<b>21.075</b>
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	135.763	26.500	7.500	19.000	109.263	90.263	19.000	0	0
1	Phân bổ chi tiết	135.763	26.500	7.500	19.000	109.263	90.263	19.000		
2	Chưa phân bổ chi tiết									
<b>II</b>	<b>Cấp Huyện/thành phố</b>	292.873	130.690	109.615	21.075	162.183	31.493	0	109.615	21.075
1	Thành phố	6.907	2.847	1.923	924	4.060	1.213		1.923	924
2	Huyện Thuận Châu	36.822	16.826	14.423	2.403	19.996	3.170		14.423	2.403
3	Huyện Mai Sơn	48.002	20.820	17.308	3.512	27.182	6.362		17.308	3.512

STT	Đơn vị	Tổng số	Tổng số	Ngân sách Trung ương		Tổng số	Ngân sách địa phương đối ứng			
							Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	
				ĐTPT	Sự nghiệp		ĐTPT	Sự nghiệp	ĐTPT	Sự nghiệp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Huyện Yên Châu	14.256	6.508	5.769	739	7.748	1.240		5.769	739
5	Huyện Mộc Châu	40.434	18.712	15.385	3.327	21.722	3.010		15.385	3.327
6	Huyện Phù Yên	37.352	17.196	14.423	2.773	20.156	2.960		14.423	2.773
7	Huyện Bắc Yên	6.644	2.293	1.923	370	4.351	2.058		1.923	370
8	Huyện Mường La	10.982	4.401	3.846	555	6.581	2.180		3.846	555
9	Huyện Quỳnh Nhai	65.526	30.953	25.961	4.992	34.573	3.620		25.961	4.992
10	Huyện Sông Mã	11.222	4.401	3.846	555	6.821	2.420		3.846	555
11	Huyện Sốp Cộp	5.793	2.293	1.923	370	3.500	1.207		1.923	370
12	Huyện Vân Hồ	8.933	3.440	2.885	555	5.493	2.053		2.885	555

Ghi chú: Đối với 109.615 triệu đồng vốn ĐTPT và 21.075 triệu đồng vốn sự nghiệp, nguồn vốn đối ứng của Ngân sách các huyện/thành phố đã được giao tại các Nghị quyết số 259/NQ-HĐND ngày 7/12/2023; Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 7/12/2023 của HĐND tỉnh.

**BIỂU SỐ 08**

**TỔNG HỢP NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRỰC TIẾP CỦA CHƯƠNG TRÌNH DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024 THEO NHÓM CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung thực hiện	Dự kiến Kế hoạch năm 2024						Dự kiến vốn Nhân dân đóng góp theo tỷ lệ được quy định tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND; Nghị quyết số 74/NQ-HĐND	Ghi chú
		ĐVT (Công trình)	Tổng số (Triệu đồng)	Vốn đầu tư trực tiếp					
				Tổng số	NSTW	NSDP			
						NS tỉnh	NS huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>222</b>	<b>361.452</b>	<b>348.486</b>	<b>117.115</b>	<b>121.756</b>	<b>109.615</b>	<b>12.966</b>	
<b>Phân bổ chi tiết</b>		<b>222</b>	<b>291.031</b>	<b>278.065</b>	<b>117.115</b>	<b>121.756</b>	<b>39.194</b>	<b>12.966</b>	
1	Nhóm CT-dự án Giao thông	80	145.452	139.885	29.842	91.043	19.000	5.567	
2	Nhóm CT-dự án Thủy lợi	15	20.252	19.992	7.360	7.613	4.949	233	
3	Nhóm CT-dự án Điện	5	24.579	24.439	9.939	8.500	6.000	140	
4	Nhóm CT-dự án Trường học	16	19.540	18.733	13.924	4.809	0	807	

TT	Nội dung thực hiện	Dự kiến Kế hoạch năm 2024						Dự kiến vốn Nhân dân đóng góp theo tỷ lệ được quy định tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND; Nghị quyết số 74/NQ-HĐND	Ghi chú
		ĐVT (Công trình)	Tổng số (Triệu đồng)	Vốn đầu tư trực tiếp					
				Tổng số	NSTW	NSDP			
						NS tỉnh	NS huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12
	Nhóm CT-dự án CSVN Văn hóa + Y tế	54	26.366	22.747	20.483	1.564	700	3.619	
6	Nhóm CT-dự án Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	2	1.208	1.208	1.208	0	0	0	
9	Nhóm CT-dự án cấp nước sinh hoạt tập trung	48	30.043	27.468	25.909	37	2.341	2.575	
10	Nhóm CT-dự án khác (trụ sở xã...nếu có)	11	7.869	7.844	950	690	6.204	25	
11	Nhóm CT-dự án phát triển vùng nguyên Liệu-OCOP	1	15.000	15.000	7.500	7.500			
<b>II</b>	<b>Chưa phân bổ chi tiết</b>	<b>0</b>	<b>70.421</b>	<b>70.421</b>			<b>70.421</b>	<b>0</b>	

Ghi chú: Nguồn vốn 109.615 triệu đồng các huyện/thành phố đối ứng bằng các công trình, dự án đã phân cấp cho các huyện/thành phố.

**BIỂU SỐ 09**

**TỔNG HỢP NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP TRỰC TIẾP CỦA CHƯƠNG TRÌNH DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024 THEO NHÓM CÁC NỘI DUNG THÀNH PHẦN**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2024 của UBND tỉnh)

*ĐVT: Triệu đồng*

	Nội dung chi	Vốn đầu tư trực tiếp			Ghi chú
		Tổng số	NSTW	NSDP	
1	2	3	4	5	6
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>80.150</b>	<b>40.075</b>	<b>40.075</b>	
<b>I: Phân bổ chi tiết</b>		<b>38.000</b>	<b>19.000</b>	<b>19.000</b>	
1	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	<b>2.905</b>	2.905		
-	Nội dung 09: Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn	<b>2.905</b>	2.905		
2	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN; Các dự án Liên kết theo Chuỗi giá trị; triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)...	<b>15.877</b>	2.413	13.464	

	Nội dung chi	Vốn đầu tư trực tiếp			Ghi chú
		Tổng số	NSTW	NSDP	
1	2	3	4	5	6
-	Nội dung 02: XD và PT hiệu quả các VNLTT, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các MHLK SX theo chuỗi giá trị ...	<b>14.064</b>	1.000	13.064	
-	Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia ...	<b>990</b>	590	400	
-	Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM...	<b>397</b>	397		
-	Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn.	<b>426</b>	426		
3	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	<b>344</b>	344		
-	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở;...	<b>344</b>	344		
4	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CDS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BDG ...	<b>7.090</b>	7.057	33	

	Nội dung chi	Vốn đầu tư trực tiếp			Ghi chú
		Tổng số	NSTW	NSDP	
1	2	3	4	5	6
-	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021 - 2025	<b>7.057</b>	7.057		
-	Nội dung 04: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn	<b>33</b>		33	
5	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	<b>3.486</b>		3.486	
-	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”...	<b>2.800</b>		2.800	
-	Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM	<b>300</b>		300	
-	Nội dung số 05: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”	<b>386</b>		386	
6	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	<b>1.946</b>	1.946		

	Nội dung chi	Vốn đầu tư trực tiếp			Ghi chú
		Tổng số	NSTW	NSDP	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
-	Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội ...	<b>1.946</b>	1.946		
7	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	<b>6.696</b>	4.679	2.017	
-	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình...	<b>2.704</b>	1.941	763	
-	Nội dung 02: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở	<b>40</b>		40	
-	Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM	<b>2.184</b>	970	1.214	
-	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM	<b>1.768</b>	1.768		
<b>II</b>	<b>Dự toán chưa phân bổ chi tiết</b>	<b>42.150</b>	<b>21.075</b>	<b>21.075</b>	

Ghi chú: Đối với nguồn vốn sự nghiệp 42.150 triệu đồng chưa phân bổ chi tiết tại các huyện/thành phố